

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH L ĐỒNG**

Bản án số: **51/2025/HSST**

Ngày: 20-5-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH L ĐỒNG

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy THnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

bà **Lê Thị Sáu**

ông **Hồ Đình Quảng**

Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quang Vũ** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh L Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh L Đồng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thu Trang**– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh L Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 20/3/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HS ngày 22/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/HSST-QĐ ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo L đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Thị N**, sinh năm 1980 tại H Giang; Nơi ĐKTT: Tổ 17, Nguyễn Chí Thanh, pH 02, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng; Nơi tạm trú: 122/12 đường 1/5, pH B'Lao, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Văn Bảo, sinh năm 1949 (đã chết); Con bà Đoàn Thị Sửu, sinh năm 1949, hiện trú tại ấp 6, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Anh, chị em ruột: có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1983, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; chồng Võ Văn Học, sinh năm 1977, đã ly hôn tháng 7/2023, hiện đang ở đâu không rõ; con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021, hiện đang ở tại 122/12 đường 1/5, pH B'Lao, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

“Bị cáo có mặt tại phiên tòa”.

+ **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư **Hồ Thị P-** Văn phòng luật sư Lộc Phát thuộc Đoàn luật sư tỉnh L Đồng. có mặt

Địa chỉ: Lô 55CH2A Nguyễn Công Trứ, pH 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: thôn 3, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng

2. Ông **Phạm Ngọc L**, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 15, xã Lộc THnh, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng

3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: 68/6 Ngô Tất Tố, xã Lộc Châu, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng

4. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: thôn 9, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng

5. Bà **Phạm Thị Tuyết P**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: số 204 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng

6. Ông **Huỳnh Phi H**, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: số 17.05 Tháp 1C/CC1 The Krista Bình Trung Đông, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

7. Bà **Phạm Thị Bích H**, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: tổ 7, pH Lộc Sơn, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng

8. Ông **Trần Đình Đ**, sinh năm 1990. Có đơn đề nghị vắng mặt

Địa chỉ: số 06 Phạm Ngũ Lão, pH 2, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2021, để có tiền mua thửa đất số 1130 tờ bản đồ số 5 (G.160.1V) tại số 210/24 đường Trần Hưng Đạo, pH Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng của bà Lê Thị Yén (Địa chỉ: 177 Trần Phú, pH Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc). Đỗ Thị N đã vay tiền của ông Nguyễn Đình Đô; HKTT: 114 Hồ Tùng Mậu, pH 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng số tiền 1.800.000.000 đồng. Ông Đô đồng ý cho N vay tiền với điều kiện phải để ông Đô đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất. N đồng ý điều kiện này vì vậy thửa đất 1130 đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình Đô. Việc này chỉ là thỏa thuận riêng giữa N và ông Đô chứ chồng của N không biết vì vậy chồng N đã nhiều lần hỏi N về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên.

Đến tháng 3/2022, trong quá trình đi môi giới đất, N gặp một người đàn ông tên Tuấn (không rõ nhân thân, lại lịch) cho N biết có khả năng làm được giấy tờ, sổ đỏ. Lúc này, N nghĩ đến việc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 1130 để đối phó với chồng của mình nên N đã cung cấp thông tin về thửa đất trên, thông tin cá nhân của N cho Tuấn để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả giúp N; với chi phí 15.000.000 đồng. Khoảng 05 ngày sau, Tuấn giao cho N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất số CA 199840 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L Đồng cấp ngày 25/3/2022, của thửa đất 1130, tờ bản đồ số 5 (G.160.IV) tại pH Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc mang tên Đỗ Thị N. N đã thanh toán tiền mặt cho Tuấn rồi mang GCNQSDĐ số CA 199840 giả nêu trên về cho chồng xem rồi cất giữ.

Đến tháng 8/2022, do có nhu cầu vay tiền nên bà Nguyễn Thị N (Sinh năm 1995; HKTT: thôn 9, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh L Đông) đã giới thiệu N với bà Nguyễn Thị D - Sinh năm 1987; HKTT: thôn 3, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh L Đông để bà N vay tiền của bà D. Cụ thể như sau:

Lần 1: Sau khi bà N giới thiệu, N hỏi vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng. Giữa bà D và N không quen biết nhau từ trước nên bà D yêu cầu N phải giao cho bà D tài sản đảm bảo thì mới đồng ý cho N vay tiền. Lúc này, nhằm mục đích vay được tiền của bà D nên N quyết định sử dụng GCNQSDĐ số CA 199840 giả giao cho bà D để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. N cho bà D biết thửa đất số 1130, tờ bản đồ số 5, tại pH Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất số CA 199840 chính là thửa đất và nH mà N đang ở. Do lúc này, N đang ở tại địa chỉ 21/24 Trần Hưng Đạo, pH Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc nên bà D tin tưởng đồng ý cho N vay số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn vay là 10 ngày. Bà D đã giao cho N số tiền 100.000.000 đồng và N đã giao cho bà D GCNQSDĐ số CA 199840 giả nêu trên. Vài ngày sau, N trả lại tiền vay cho bà D qua một người bạn. Do bà D không gặp trực tiếp N nên chưa trả lại GCNQSDĐ số CA 199840 giả cho N được.

Lần 2: Ngày 29/8/2022, N tiếp tục vay của bà D số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay từ 15-20 ngày, lãi suất tự thỏa thuận. Khi vay tiền, do bà D vẫn GCNQSDĐ số CA 199840 giả chưa trả cho N được nên khi N hỏi vay bà D số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà D và N tiếp tục thỏa thuận về việc sẽ sử dụng GCNQSDĐ số CA 199840 giả để làm tin cho khoản vay. Số tiền này, ngày 17/9/2022, N đã thanh toán cho bà D số tiền đầy đủ, kèm theo 10.000.000 đồng tiền lãi. Khi nhận tiền, bà D vẫn giữ lại GCNQSDĐ số CA 199840 giả và hủy bỏ giấy vay tiền

Lần 3: Ngày 26/9/2022, N hỏi vay bà D số tiền 500.000.000 đồng đồng; thời hạn vay là 02 ngày. Khi vay tiền, bà D lại yêu cầu N phải sử dụng GCNQSDĐ số CA 199840 giả do bà D đang giữ để làm tin cho khoản vay. Vì vậy, N tiếp tục đồng ý sử dụng GCNQSDĐ số CA 199840 giả để làm tin cho việc vay số tiền 500.000.000 đồng. N đã viết Giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022 để ghi nhận việc này. Tuy nhiên, trong Giấy vay tiền này, do bà D cho N biết số tiền này bà D vay của người khác nên N đã không ghi nội dung vay tiền của ai mà đã để trống hai dòng trong Giấy vay tiền tại nội dung này. Số tiền này, bà D giao cho N 200.000.000 đồng tiền mặt; 300.000.000 đồng chuyển khoản cho N. Từ ngày 19/9/2022 đến ngày 12/3/2023, N đã 16 lần chuyển trả lại cho bà D tổng số tiền 525.500.000 đồng. Số tiền này là tiền mà N trả lại bà D trong khoản vay 500 triệu đồng vào ngày 26/9/2022 nêu trên.

Ngoài ra, trong thời gian này, bà D còn 04 lần khác góp vốn đầu tư vào 03 thửa đất 74, 75 và 77, tại xã Tân Lạc, huyện Bảo L chung với N với tổng số tiền 1.330.000.000 đồng. Khi N trả hết số tiền vay 500.000.000 đồng vào ngày 26/9/2022, nhưng do N chưa thanh toán tiền lãi và gốc cho số tiền 1.330.000.000 đồng mà bà D góp vốn đầu tư vào 03 thửa đất 74, 75 và 77 với N nên vào ngày 12/3/2023, khi N thanh toán đủ cho bà D số tiền vay 500.000.000 đồng (khoản vay vào ngày 26/9/2022), bà D vẫn giữ lại Giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022 kèm theo

GCNQSDĐ số CA 199840 giả mà không trả lại cho N. Bà D định đến khi nào N trả tiền lãi và gốc của số tiền mà bà D góp vốn đầu tư vào 03 thửa đất 74, 75 và 77 thì mới trả lại Giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022 kèm theo GCNQSDĐ số CA 199840 giả cho N.

Đến tháng 10/2023, bà D tìm hiểu thì được biết, 03 thửa đất 74, 75 và 77 mà bà D góp vốn với N không đứng tên N mà đứng tên ông Trần Đình Đ và N đã sử dụng các thửa đất này vay tiền người khác nên bà D đã làm Đơn tố cáo N đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L Đồng đồng thời giao nộp Bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022 và GCNQSDĐ số CA 199840 giả.

Tại Kết luận giám định số 115/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh L Đồng kết luận:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất số CA199840 là giả.

Hình dấu tròn có nội dung: “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG * CỘNG HÒA X.H.C.N VIET NAM * TỈNH L ĐỒNG” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất số CA199840” được tạo ra bằng P pháp in phun màu.

Chữ ký, chữ viết trên Giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đỗ Thị N trên Bản tự khai đề ngày 28/11/2022 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, không khiếu nại hay tranh luận gì.

Cáo trạng 21/CT-VKSLĐ-P2 ngày 14/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L Đồng truy tố bị cáo Đỗ Thị N về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án 01 bản gốc giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022, 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất số CA 199840.

Về án phí: đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt mức hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn chồng, một mình nuôi 02 con còn nhỏ, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[01] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L Đồng, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L Đồng, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ Hình vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với kết quả giám định, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định:

Sau khi được bà N giới thiệu, tháng 8/2022 bị cáo N vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng, do không quen biết nên bà D yêu cầu bị cáo phải có tài sản bảo đảm, bị cáo đã đưa cho bà D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất số CA 199840, bị cáo đã trả cho bà D số tiền này thông qua một người bạn, nên bà D chưa trả giấy chứng nhận trên cho bị cáo, ngày 29/8/2022 bị cáo tiếp tục vay của bà D số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 17/9/2022 bị cáo đã trả khoản tiền này cho bà D và ngày 26/9/2022 bị cáo vay bà D số tiền 500.000.000 đồng, bị cáo đã trả số tiền vay này cho bà D, lần vay thứ hai và thứ ba, do bà D vẫn giữ giấy chứng nhận trên nên giữa bị cáo và bà D hiểu là để bà D giữ giấy chứng nhận trên bảo đảm cho khoản vay. Tại kết luận giám định số 115/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh L Đồng kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất số CA199840 là giả; Hình dấu tròn có nội dung: “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG * CỘNG HÒA X.H.C.N VIET NAM * TỈNH L ĐỒNG” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất số CA199840” được tạo ra bằng P pháp in phun màu.

Bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền vay này cho bà D trước khi bà D gửi đơn tố cáo đến Công an về Hình vi sử dụng giấy tờ giả.

Do vậy Hình vi của bị cáo Đỗ Thị N có đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[03] Hình vi của bị cáo Đỗ Thị N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý Hình chính của các cơ quan Hình chính NH nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được Hình vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình tìm cách giao dịch, đặt người khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo đã sử dụng giấy chứng nhận này để vay tiền bà Nguyễn Thị D. Do vậy cần có mức hình phạt tương xứng đối với Hình vi do bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nói chung và cá nhân phạm tội.

[04] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó cần áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[05] Xét đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ của Hnh vi phạm tội do bị cáo gây ra, đủ để răn đe, phòng ngừa riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, cũng như việc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, một mình nuôi con còn nhỏ, do đó không cần thiết xử phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa P giám sát giáo dục theo qui định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[06] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[07] Về xử lý vật chứng: Cần lưu theo hồ sơ vụ án 01 bản gốc giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022, 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất số CA 199840.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án này Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L Đồng còn thụ lý giải quyết tố giác về tội phạm của ông Phạm Ngọc L (Sinh năm 1995; HKTT: thôn 15, xã Lộc THnh, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng), bà Nguyễn Thị D (Sinh năm 1987; HKTT: thôn 3, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng), bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1992; HKTT: 68/6 Ngô Tất Tố, xã Lộc Châu, TP. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng), bà Nguyễn Thị N (Sinh năm 1995; HKTT: thôn 9, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng), bà Phạm Thị Tuyết P (Sinh năm 1982; HKTT: 204 Lê Lợi, xã Lộc Thanh, TP. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng), ông Huỳnh Phi H (Sinh năm 1988; HKTT: Số 17.05. Tháp 1C/CC1 The Krista Bình Trung Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh), bà Phạm Thị Bích H (Sinh năm 1987; HKTT: Tổ 7, pH Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng), ông Trần Đình Đ (Sinh năm 1990; HKTT: Số 06 Phạm Ngũ Lão, pH 2, TP. Bảo Lộc, tỉnh L Đồng) cùng tố cáo bà Đỗ Thị N có Hnh vi chiếm đoạt tài sản.

Ngày 11/3/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L Đồng đã ra Quyết định số 1390/QĐ-VPCQCSĐT Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với các tố giác về tội phạm của ông Phạm Ngọc L, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị Tuyết P, ông Huỳnh Phi H, bà Phạm Thị Bích H, ông Trần Đình Đ do chỉ là tranh chấp trong giao dịch dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L Đồng đã có thông báo số 138/TB-VKS ngày 14/3/2025 thông báo về việc

kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với Quyết định số 1390/QĐ-VPCQCSĐT Quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L Đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX không đề cập đến.

[09] Về án phí, lệ phí Tòa án: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án cần buộc bị cáo Đỗ Thị N phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị N phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án 20/5/2025.

Giao bị cáo cho UBND pH B’Lao, tHnh phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc thi Hnh án thực hiện theo qui định của Luật thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: lưu theo hồ sơ vụ án 01 bản gốc giấy vay tiền đề ngày 26/9/2022, 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất số CA 199840.

3. Về án phí, lệ phí Tòa án: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Thị N phải nộp 200.000đ án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 20/5/2025 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L Đồng xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan).

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự

có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo; người liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thúy THnh

Lê Thị Sáu - Hồ Đình Quảng

Vũ Thị Thúy THnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo; người liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thúy THnh

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quế - Nguyễn Thị Tài

Vũ Thị Thúy THnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Vũ Thị Thúy THnh

